

QUY TẮC BẢO HIỂM
HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA
NĂM 2016

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy tắc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển nội địa năm 2016****TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM BẢO VIỆT**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09/12/2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24/11/2010;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt ban hành kèm theo Quyết định số 1151/2015/QĐ-HĐQT ngày 13/8/2015 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Bảo Việt;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số 45GP/KDBH do Bộ trưởng Bộ Tài chính cấp ngày 23/11/2007 về việc thành lập Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Bảo hiểm Hàng hải, Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt

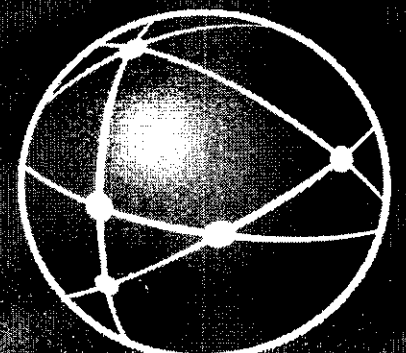
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy tắc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển nội địa năm 2016 (gọi tắt là QTND 2016).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Quy tắc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển trong lãnh thổ Việt Nam (QTND- 98) ban hành kèm theo quyết định số 3002/BHQĐ97 ngày 25 tháng 12 năm 1997. Đối với những Giấy chứng nhận bảo hiểm, Đơn bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm đã cấp trước ngày này thì vẫn sử dụng quy tắc bảo hiểm QTND-98 để điều chỉnh cho đến khi hết thời hạn bảo hiểm được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn Bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm.

2016

QUY TẮC
BẢO HIỂM HÀNG HÓA
VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA 2016



CHƯƠNG 1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy tắc này áp dụng cho việc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt và đường thủy, đường hàng không thuộc phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quy tắc này còn được mở rộng khi có thỏa thuận riêng trong hợp đồng bảo hiểm cho việc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển từ Việt Nam đi các nước lân cận (các quốc gia có chung đường biên giới trên bộ) và vận chuyển từ nước ngoài về được phép quá cảnh qua Việt Nam để sang các nước lân cận bằng các phương thức vận tải nói trên.

CHƯƠNG 2 . ĐIỀU KIỆN BẢO HIỂM

NHỮNG RỦI RO ĐƯỢC BẢO HIỂM

1. Điều khoản rủi ro

Trừ những trường hợp loại trừ được quy định ở Điều 5,6,7,8,9 dưới đây, theo điều kiện bảo hiểm này, Tổng Công Ty Bảo Hiểm Bảo Việt (sau đây gọi tắt là Người bảo hiểm) chịu trách nhiệm đối với:

1.1 Những mất mát, hư hỏng xảy ra cho hàng hoá được bảo hiểm có thể quy hợp lý cho các nguyên nhân sau:

- 1.1.1 Cháy hoặc nổ;
- 1.1.2 Phương tiện vận chuyển đường bộ bị lật đổ hoặc trật bánh; tàu hoặc phương tiện vận chuyển bị mắc cạn, đắm hoặc lật úp, đâm va nhau hoặc đâm va vào vật thể bên ngoài không kể nước.
- 1.1.3 Dỡ hàng tại một cảng nơi tàu gặp nạn
- 1.1.4 Động đất, bão lụt, gió lốc, sóng thần, núi lửa phun hoặc sét đánh;
- 1.1.5 Cây gãy đổ, cầu cống, đường hầm và các công trình kiến trúc khác bị sập đổ
- 1.1.6 Phương tiện chở hàng mất tích.

1.2 Những mất mát, hư hỏng xảy ra đối với hàng hoá được bảo hiểm do các nguyên nhân sau:

- 1.2.1 Hy sinh tổn thất chung;
- 1.2.2 Ném hàng khỏi tàu hoặc hàng bị nước cuốn khỏi tàu;

1.3 Tổn thất toàn bộ của bất kỳ kiện hàng nào rơi trong khi đang xếp hàng lên hay đang dỡ hàng khỏi phương tiện vận chuyển

2 . Điều khoản chi phí liên quan

Trường hợp xảy ra tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm của Bảo Việt như nói trên, Bảo Việt còn chịu trách nhiệm đối với những chi phí sau đây, loại trừ những nguyên nhân đã quy định trong các Điều 5,6,7,8,9 và những điểm khác trong hợp đồng bảo hiểm này:

- 2.1 Những chi phí hợp lý do Người được bảo hiểm, người làm công hay đại lý của họ đã chi ra nhằm phòng tránh hoặc giảm nhẹ tổn thất cho hàng hóa được bảo hiểm.
- 2.2 Những chi phí hợp lý cho việc dỡ hàng, lưu kho và gửi tiếp hàng hóa được bảo hiểm tại một nơi dọc đường đi do hậu quả của rủi ro thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm.
- 2.3 Những chi phí hợp lý cho việc giám định và xác định số tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.
- 2.4 Những chi phí tổn thất chung và chi phí cứu hộ.

3. Điều khoản "tàu đâm va nhau hai bên cùng có lỗi"

Bảo hiểm này bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với những trách nhiệm phát sinh theo điều khoản "Tàu đâm va nhau hai bên cùng có lỗi" trong hợp đồng chuyên chở liên quan đến bất kỳ rủi ro được bảo hiểm dưới đây. Trường hợp Người chuyên chở khiếu nại theo điều khoản nói trên thì Người được bảo hiểm phải thông báo cho Người bảo hiểm là người có quyền bảo vệ Người được bảo hiểm đối với khiếu nại đó và tự chịu mọi chi phí tổn.

4. Mở rộng bảo hiểm.

Trong trường hợp hàng hoá được bảo hiểm theo điều kiện này, nếu Người được bảo hiểm yêu cầu và được Bảo Việt đồng ý bảo hiểm thêm một hay nhiều loại rủi ro phụ dưới đây với điều kiện phải trả thêm phí bảo hiểm theo thỏa thuận:

- Cong và/hoặc bẹp (loại trừ cong, bẹp do ướt).
- Rò, rỉ và/hoặc thiếu hụt hàng hoá.
- Hư hại do móc cầu hàng.
- Dây bản do dầu và/hoặc mỡ.
- Hàng bị thiếu nguyên bao, nguyên kiện.
- Hàng hóa bị tổn thất do đổ vỡ, rơi vỡ
- Những rủi ro phụ khác theo thỏa thuận.

LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

5. Điều khoản loại trừ chung

Trong bất cứ trường hợp nào Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho:

- 5.1. mất mát hư hỏng hay chi phí được quy cho hành vi xấu, cố ý của Người được bảo hiểm.
- 5.2. đối tượng được bảo hiểm bị rò chảy thông thường, hao hụt trọng lượng hoặc giảm thể tích thông thường hoặc hao mòn thông thường.
- 5.3. mất mát hư hỏng hoặc chi phí phát sinh do việc đóng gói hoặc chuẩn bị cho đối tượng được bảo hiểm chưa đầy đủ hoặc không thích hợp (theo chủ ý của điều 5.3 này việc “đóng gói” sẽ được coi là bao gồm cả việc xếp hàng vào “container” hoặc “kiện gỗ” nhưng chỉ khi nào việc xếp hàng đó được thực hiện trước khi hợp đồng này có hiệu lực hoặc tiến hành bởi Người được bảo hiểm hoặc những người làm công cho họ)
- 5.4. mất mát hư hỏng hay chi phí phát sinh do khuyết tật vốn có hoặc tính chất riêng của đối tượng được bảo hiểm
- 5.5. mất mát hư hỏng hay chi phí trực tiếp gây ra do chậm trễ, ngay cả khi chậm trễ do một rủi ro được bảo hiểm gây ra (trừ những chi phí được chi trả theo điều 2 kể trên)
- 5.6. mất mát hư hỏng hay chi phí phát sinh từ tình trạng không trả được nợ hoặc thiếu thốn về tài chính của Chủ tàu, người quản lý, người thuê hoặc người điều hành tàu.
- 5.7. hư hại hoặc phá huỷ do cố ý gây ra cho đối tượng bảo hiểm hay một bộ phận bất kỳ của đối tượng bảo hiểm do hành động sai trái của bất kỳ người nào.
- 5.8. mất mát hư hỏng hay chi phí phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ một loại vũ khí chiến tranh gì có sử dụng năng lượng nguyên tử, hạt nhân và/hoặc phản ứng hạt nhân, phóng xạ hoặc tương tự.

6. Điều khoản loại trừ phương tiện vận chuyển không đủ khả năng hoặc không thích hợp cho việc chuyên chở an toàn

- 6.1 Trong bất cứ trường hợp nào Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho những mất mát hư hỏng hoặc chi phí gây ra bởi:
phương tiện vận chuyển không đủ điều kiện lưu hành, không đủ khả năng hoặc không thích hợp cho việc vận chuyển an toàn cho đối tượng được bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm hoặc những người làm công cho họ được biết về trạng thái không đủ điều kiện lưu hành, không đủ khả năng vận chuyển hoặc không thích hợp đó vào thời gian đối tượng được bảo hiểm được xếp vào các phương tiện trên.
- 6.2 Người bảo hiểm bỏ qua mọi trường hợp vi phạm những cam kết ngụ ý phương tiện vận chuyển đủ khả năng và thích hợp cho việc chuyên chở đối tượng được bảo hiểm tới nơi đến, trừ khi Người được bảo hiểm hoặc người làm công cho họ được biết riêng về trạng thái không đủ khả năng vận chuyển hay không thích hợp đó.

7. Điều khoản loại trừ chiến tranh

Trong bất kỳ trường hợp nào Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho những mất mát hư hỏng hoặc chi phí gây ra bởi

- 7.1 chiến tranh, nội chiến, cách mạng, nổi loạn, khởi nghĩa hoặc xung đột dân sự phát sinh từ những biến cố đó, hoặc bất kỳ hành động thù địch nào gây ra hoặc chống lại bên tham chiến
- 7.2 bắt giữ, tịch thu, kiểm chế hay cầm giữ và hậu quả của những sự việc đó hoặc bất kỳ mưu toan nào nhằm thực hiện những hành vi đó
- 7.3 mìn, thủy lôi, bom hoặc những vũ khí chiến tranh hoang phế khác

8. Điều khoản loại trừ đình công

Trong bất kỳ trường hợp nào Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho những mất mát hư hỏng hoặc chi phí

- 8.1 gây ra bởi những người đình công, công nhân bị cấm xưởng hoặc những người tham gia gây rối lao động, náo loạn hoặc bạo động dân sự
- 8.2 hậu quả của đình công, cấm xưởng, gây rối lao động, náo loạn hoặc bạo động dân sự
- 8.3 gây ra bởi bất kỳ kẻ khủng bố hoặc bất kỳ người nào hành động vì động cơ chính trị.

9. Điều khoản loại trừ bổ sung

- Điều khoản loại trừ rủi ro khủng bố (16/11/2001)
- Điều khoản tự động chấm dứt bảo hiểm chiến tranh đình công hàng hóa
- Điều khoản Loại trừ rủi ro năng lượng hạt nhân- bản sửa đổi Nhật Bản (1/4/1989)
- Điều khoản loại trừ tấn công điều khiển (10/11/03)
- Điều khoản hủy bỏ chiến tranh đình công
- Điều khoản loại trừ rủi ro tín dụng và đảm bảo tài chính, rủi ro về chính trị
- Điều khoản loại trừ tổn thất do Amiang (SR 488- 17/7/2003).
- Điều khoản loại trừ rủi ro về ô nhiễm phóng xạ, vũ khí điện từ, vũ khí hóa sinh, , vũ khí sinh học, vũ khí hóa học (10.11.03)
- Điều khoản nguy hại công nghệ thông tin (16/11/2001)
- Điều khoản sửa đổi bổ sung nhận diện ngày điện tử – C (XLEDRC)
- Điều khoản loại trừ và giới hạn do bị trừng phạt theo các lệnh cấm vận (JC2010/214 -11/8/2010)

THỜI HẠN BẢO HIỂM

10. Điều khoản vận chuyển

Trừ những trường hợp loại trừ đã quy định tại điều 5 trên đây, trách nhiệm bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực từ khi hàng hóa được bảo hiểm được xếp lên phương tiện chuyên chở tại địa điểm xuất phát ghi trong hợp đồng bảo hiểm để bắt đầu vận chuyển, tiếp tục có hiệu lực trong suốt quá trình vận chuyển bình thường và kết thúc vào lúc hàng hóa được dỡ khỏi phương tiện chuyên chở tại nơi đến ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

11. Điều khoản thay đổi hành trình

Trong quá trình vận chuyển nói trên nếu vì những sự cố nói ở điều 1 mà hàng hóa bắt buộc phải chuyển tải hoặc thay đổi hành trình thì bảo hiểm này vẫn giữ nguyên hiệu lực với điều kiện Người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho Người bảo hiểm biết về việc xảy ra hoặc thay đổi đó và phải trả thêm phí bảo hiểm trong trường hợp cần thiết.

KHIẾU NẠI

12. Điều khoản quyền lợi bảo hiểm

Để đòi bồi thường, người khiếu nại phải có quyền lợi trong đối tượng được bảo hiểm vào thời gian xảy ra tổn thất đồng thời người khiếu nại đã thực sự chịu tổn thất thực tế đó.

13. Điều khoản tổn thất toàn bộ

Tổn thất toàn bộ nói trong Quy tắc bảo hiểm này bao gồm tổn thất toàn bộ ước tính và tổn thất toàn bộ thực tế.

- 13.1. Khi xảy ra mất mát, hư hỏng thuộc phạm vi trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, nếu hàng hóa được bảo hiểm bị phá hủy hoàn toàn hay bị hư hỏng nghiêm trọng tới mức không còn là vật phẩm với tính chất ban đầu của nó nữa thì được coi là tổn thất toàn bộ thực tế.
- 13.2. Khi hàng hóa được bảo hiểm bị mất mát hay hư hỏng thuộc phạm vi trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, nếu xét thấy không tránh khỏi tổn thất toàn bộ thực tế hoặc do các chi phí cứu hàng, chi phí sửa chữa/phục hồi và gửi hàng đến nơi nhận ghi trong hợp đồng bảo hiểm có thể vượt quá giá trị hàng khi tới nơi nhận đó thì được coi là tổn thất toàn bộ ước tính.
- 13.3. Bất kỳ trường hợp mất mát hay hư hỏng nào không thuộc loại tổn thất đã nói ở hai phần trên đều được coi là tổn thất bộ phận.
- 13.4. Nếu phương tiện chở hàng bị mất tích thì hàng hóa được bảo hiểm sẽ được coi là tổn thất toàn bộ thực tế.

14. Điều khoản tổn thất bộ phận

Khi hàng hóa được bảo hiểm bị tổn thất bộ phận thì số tiền bồi thường được xác định bằng tổng giá trị hàng hóa khi còn nguyên vẹn trừ đi tổng giá trị hàng hóa còn lại sau khi đã bị tổn thất tại nơi nhận hàng trên cơ sở tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm

15. Điều khoản giới hạn trách nhiệm

Trách nhiệm của Người bảo hiểm chỉ giới hạn ở số tiền bảo hiểm.

15.1. Nếu số tiền bảo hiểm của hàng hóa thấp hơn giá trị bảo hiểm thì Người bảo hiểm chỉ bồi thường những mất mát hư hỏng và các chi phí như đã quy định ở điều 1,2 theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm.

15.2. Nếu số tiền bảo hiểm của hàng hóa cao hơn giá trị bảo hiểm thì phần cao hơn đó không được thừa nhận.

16. Điều khoản chi phí hợp lý

Trách nhiệm của Người bảo hiểm chỉ giới hạn ở số tiền bảo hiểm. Tuy nhiên Người bảo hiểm vẫn phải chịu trách nhiệm đối với số tiền tổn thất cộng với các chi phí cứu hộ, phí giám định, chi phí đánh giá và bán hàng hoá tổn thất, chi phí đòi người thứ ba bồi thường và tiền đóng góp tổn thất chung, dù cho tổng số tiền bồi thường như vậy có thể vượt quá số tiền bảo hiểm.

Trường hợp phải tuân thủ ý kiến của Người bảo hiểm để thực hiện các biện pháp để phòng tổn thất thì Người bảo hiểm phải thanh toán cho Người được bảo hiểm những chi phí hợp lý và cần thiết khi áp dụng biện pháp này dù cho tổng số tiền bồi thường như vậy có thể vượt quá số tiền bảo hiểm.

17. Điều khoản tổn thất chung

Trong trường hợp có tổn thất chung thuộc phạm vi trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm thì số tiền đóng góp tổn thất chung của Người được bảo hiểm sẽ được Người bảo hiểm bồi thường lại đầy đủ. Tuy nhiên, nếu số tiền bảo hiểm của hàng hoá lại thấp hơn giá trị đóng góp tổn thất chung thì Người bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường tiền đóng góp tổn thất chung theo tỉ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị đóng góp.

18. Điều khoản từ bỏ trách nhiệm

Người bảo hiểm có quyền được miễn mọi trách nhiệm quy định trong hợp đồng bảo hiểm bằng cách khước từ quyền lợi về hàng hoá bảo hiểm và quyền khiếu nại người thứ ba, đồng thời bồi thường cho Người được bảo hiểm toàn bộ số tiền bảo hiểm

19. Điều khoản từ bỏ hàng

19.1. Trường hợp Người được bảo hiểm muốn khiếu nại tổn thất toàn bộ ước tính cho hàng hóa được bảo hiểm thì họ phải gửi thông báo từ bỏ hàng cho Người bảo hiểm. Nếu không thực hiện theo quy định này thì tổn thất chỉ được giải quyết theo hình thức bồi thường tổn thất bộ phận.

19.2. Thông báo từ bỏ hàng phải làm bằng văn bản mà trong mọi trường hợp phải cho biết ý định của Người được bảo hiểm là từ bỏ không điều kiện mọi quyền lợi về hàng hóa được bảo hiểm cho Người bảo hiểm.

19.3. Trường hợp thông báo từ bỏ hàng được gửi theo đúng quy định thì quyền khiếu nại của Người được bảo hiểm không bị phương hại bởi việc Người bảo hiểm từ chối chấp nhận từ bỏ hàng. Khi thông báo từ bỏ hàng đã được chấp nhận thì việc từ bỏ hàng không còn thay đổi khác được.

20. Điều khoản thu hồi hàng hóa

Sau khi bồi thường một vụ tổn thất toàn bộ (có thể bồi thường tất cả hoặc nguyên một phần hàng được bảo hiểm), Người bảo hiểm còn có quyền sở hữu, thu hồi và xử lý những gì còn lại của phần hàng hóa đã được bồi thường theo quy định của pháp luật

CHUYỂN QUYỀN ĐÒI BỒI THƯỜNG

21. Điều khoản chuyển quyền

21.1. Sau khi thanh toán bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm, mọi khoản khiếu nại và quyền khiếu nại của Người được bảo hiểm đối với người thứ ba đều được chuyển cho Người bảo hiểm mà giới hạn là số tiền đã bồi thường.

Ngay khi nhận được tiền bồi thường, Người được bảo hiểm có trách nhiệm chuyển cho Người bảo hiểm quyền đòi người thứ ba bồi thường và các chứng từ cần thiết liên quan đến việc đó.

21.2. Nếu Người được bảo hiểm từ chối chuyển quyền cho Người bảo hiểm, không bảo lưu hoặc từ bỏ quyền yêu cầu người thứ ba bồi thường thì Người bảo hiểm có quyền khấu trừ số tiền bồi thường tùy

theo mức độ lỗi của Người được bảo hiểm. Nếu việc thanh toán bồi thường đã được thực hiện thì Người được bảo hiểm có nghĩa vụ hoàn lại cho Người bảo hiểm toàn bộ hoặc một phần số tiền bồi thường mà họ đã nhận được tùy theo mức độ lỗi của Người được bảo hiểm

GIẢM NHẸ TỔN THẤT

22. Điều khoản nghĩa vụ của người được bảo hiểm

Trường hợp xảy ra tổn thất cho hàng hóa thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm như trong điều 1 Người được bảo hiểm hay người làm công cho họ hoặc đại diện của họ phải khẩn trương hợp lý trong mọi tình huống thuộc khả năng kiểm soát của họ:

- a. Khai báo ngay với cơ quan chức trách địa phương để xử lý và lập biên bản theo luật lệ hiện hành.
- b. Thông báo ngay cho Người bảo hiểm hay đại diện của họ tại địa phương gần nhất đến giám định trong thời gian sớm nhất.
- c. Áp dụng mọi biện pháp cần thiết được coi là hợp lý nhằm mục đích ngăn ngừa hoặc giảm nhẹ tổn thất.
- d. Làm các thủ tục cần thiết để bảo lưu quyền đòi bồi thường đối với người chuyên chở hay người thứ ba khác có trách nhiệm đối với tổn thất, mất mát hàng hóa trong tai nạn ấy.

Người bảo hiểm ngoài trách nhiệm đối với những tổn thất thuộc phạm vi bồi thường của bảo hiểm này sẽ hoàn trả cho Người được bảo hiểm bất kỳ chi phí nào đã chi ra một cách hợp lý và thỏa đáng để thực hiện nghĩa vụ này.

Người bảo hiểm có quyền từ chối giải quyết bồi thường một phần hay toàn bộ tổn thất nếu Người được bảo hiểm không thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ trên.

23. Điều khoản không phương hại

Mọi biện pháp do Người được bảo hiểm hoặc Người bảo hiểm thực hiện nhằm mục đích cứu vớt, bảo vệ hoặc khôi phục lại đối tượng được bảo hiểm sẽ không được coi như sự từ bỏ hoặc sự chấp nhận từ bỏ hoặc về mặt khác làm phương hại đến các quyền lợi của mỗi bên.

THỜI HIỆU KHIẾU NẠI

24. Thời hạn Người được bảo hiểm có quyền khiếu nại bồi thường tổn thất được quy định là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra sự cố tổn thất.

XỬ LÝ TRANH CHẤP

25. Điều khoản cơ chế xử lý tranh chấp

Bất kỳ một vụ tranh chấp nào có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm mà không giải quyết được bằng hình thức thương lượng giữa Người được bảo hiểm và Người bảo hiểm đều phải chuyển tới Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng công nghiệp và thương mại Việt Nam hoặc Tòa án Việt Nam để xét xử theo pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam

CHƯƠNG 3 NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

THỦ TỤC KÊ KHAI BẢO HIỂM

1. Khi có nhu cầu bảo hiểm, người được bảo hiểm phải làm giấy yêu cầu trong đó ghi rõ:
 - 1.1. Tên người được bảo hiểm.
 - 1.2. Tên hàng hóa, loại bao bì, cách đóng gói và ký mã hiệu của hàng hóa được bảo hiểm.
 - 1.3. Trọng lượng, số lượng hàng hóa và giá trị hàng hóa được bảo hiểm.
 - 1.4. Hành trình vận chuyển (nơi đi - nơi đến và nơi chuyển tải nếu có).
 - 1.5. Tên phương tiện, loại phương tiện và số đăng ký của các phương tiện vận tải đó (có thể báo sau)
 - 1.6. Ngày, tháng phương tiện vận chuyển khởi hành và dự kiến ngày đến.(có thể báo sau)
2. Người bảo hiểm sẽ căn cứ vào giấy yêu cầu bảo hiểm để cấp "Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm.
3. Trừ khi có thỏa thuận khác, Người được bảo hiểm phải thanh toán phí bảo hiểm cho Người bảo hiểm ngay khi nhận Đơn bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm và hoặc Hợp đồng bảo hiểm.
4. Nếu sau khi hợp đồng bảo hiểm được ký kết mà có bất kỳ thay đổi nào về những thông tin đã cung cấp liên quan đến lô hàng được bảo hiểm thì Người được bảo hiểm có trách nhiệm thông báo cho Người bảo hiểm biết ngay khi họ được biết sự thay đổi đó. Khi nhận được thông báo thay đổi này, nếu chấp thuận bảo hiểm bằng văn bản, Người bảo hiểm sẽ cấp giấy sửa đổi bổ sung và có thể yêu cầu Người được bảo hiểm trả thêm phí bảo hiểm.

QUY ĐỊNH KHAI BÁO

5. Nếu Người được bảo hiểm khai báo sai hoặc giấu giếm những điểm đề ra trong giấy yêu cầu bảo hiểm hay những thay đổi đối với những sự việc đã được Người được bảo hiểm biết hoặc đã thông báo tới Người bảo hiểm, Người bảo hiểm có quyền từ chối giải quyết bồi thường toàn bộ hoặc một phần số tiền khiếu nại mà vẫn có quyền nhận phí bảo hiểm trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản.

SỐ TIỀN BẢO HIỂM VÀ GIÁ TRỊ BẢO HIỂM

- 6.1. Số tiền bảo hiểm của hàng hóa được bảo hiểm là số tiền do Người được bảo hiểm khai báo, dựa trên giá trị của hàng hóa được bảo hiểm.
- 6.2. Giá trị bảo hiểm của hàng hóa được bảo hiểm là giá trị của hàng hóa được bảo hiểm phù hợp với giá thị trường của loại hàng hóa đó. Giá trị bảo hiểm có thể bao gồm : giá tiền hàng ghi trên hóa đơn (hoặc giá hàng thực tế tại nơi gửi hàng, nếu không có hóa đơn), cộng chi phí vận chuyển và phí bảo hiểm.
- 6.3. Trừ khi có thỏa thuận khác, Người được bảo hiểm có thể tính gộp cả tiền lãi ước tính vào số tiền bảo hiểm. Tuy nhiên, tiền lãi này không được vượt quá 10% giá trị bảo hiểm hoặc nếu Người được bảo hiểm không khai báo, số tiền bảo hiểm được coi là giá trị bảo hiểm.

HỒ SƠ KHIẾU NẠI BỒI THƯỜNG

7. Khi khiếu nại Người bảo hiểm về những mất mát hư hỏng thuộc trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, Người được bảo hiểm cần cung cấp đủ những giấy tờ sau:
 - a. Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm.
 - b. Bản chính hoặc bản sao y công chứng/chứng thực hợp đồng vận chuyển và/Hoặc Phiếu vận chuyển hoặc những bằng chứng tài liệu tương đương như Biên bản giao nhận hàng hoặc các chứng từ vận chuyển khác

- c. Bản chính hoặc bản sao hóa đơn bán hàng kèm theo bản kê chi tiết hàng hóa, phiếu ghi trọng lượng và số lượng hàng hóa hoặc chứng từ, tài liệu liên quan chứng minh giá trị hàng hóa trong trường hợp không có hóa đơn.
- d. Biên bản giám định hàng tổn thất của Người bảo hiểm hoặc của người được Người bảo hiểm chỉ định /hoặc chấp thuận.
Trong trường hợp hồ sơ khiếu nại không có biên bản giám định của Người bảo hiểm hoặc của người được Người bảo hiểm chỉ định/chấp nhận thông qua thì Người bảo hiểm có quyền từ chối giải quyết bồi thường toàn bộ hoặc một phần số tiền khiếu nại trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản.
- e. Bản chính hoặc bản sao có dấu xác nhận của Người được bảo hiểm các biên bản điều tra tai nạn của cơ quan chức trách địa phương trong trường hợp phương tiện vận chuyển bị đắm, lật, đâm va. v.v...
- f. Bản chính hoặc sao y bản chính văn bản khiếu nại người chuyên chở hay người thứ ba khác về trách nhiệm đối với tổn thất do họ gây ra (trừ trường hợp bên vận chuyển đồng thời là người mua bảo hiểm)
- g. Bản sao các tài liệu liên quan (nếu có), tùy từng trường hợp cụ thể
- h. Thư đòi bồi thường.

THANH TOÁN BỒI THƯỜNG

- 8. Sau khi kiểm tra và xác nhận hồ sơ khiếu nại của Người được bảo hiểm là hợp lệ và tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm, Người bảo hiểm sẽ thanh toán bồi thường cho Người được bảo hiểm trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khi khiếu nại đầy đủ, hợp lệ.
Trường hợp hồ sơ khiếu nại gửi đến chưa đầy đủ, hợp lệ hoặc cần xác minh thêm hoặc tổn thất không thuộc trách nhiệm bảo hiểm thì Người bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Người được bảo hiểm biết trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ khiếu nại.
- 9. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được giấy thông báo bồi thường hoặc giấy từ chối bồi thường mà Người được bảo hiểm không có ý kiến gì bằng văn bản thì vụ khiếu nại đó coi như đã kết thúc.
- 10. Khi thanh toán tiền bồi thường, Người bảo hiểm có thể khấu trừ vào tiền bồi thường các khoản thu nhập của Người được bảo hiểm trong việc bán hàng hóa cứu được và đòi người thứ ba.
- 11. Trường hợp phương tiện vận chuyển bị mất tích, hàng hóa đã được coi là tổn thất toàn bộ hoặc hàng bị mất mà sau khi đã bồi thường lại tìm thấy hàng thì số hàng đó sẽ thuộc quyền sở hữu của Người bảo hiểm và được xử lý theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

NỘI DUNG CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BỔ SUNG TÁI BẢO HIỂM

- Điều khoản loại trừ rủi ro khủng bố (16/11/2001)

Hợp đồng này loại trừ bất kỳ tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm hoặc chi phí phát sinh từ:

(A) khủng bố; và hoặc

(B) các biện pháp thực hiện để ngăn ngừa, ngăn chặn, kiểm soát hoặc giảm bớt hậu quả của bất kỳ hành động khủng bố nào cho dù là thực sự, âm mưu, dự kiến, đe dọa, nghi ngờ hay nhận thấy được.

Theo điều khoản này, "khủng bố" là bất kỳ hành động hoặc những hành động của bất kỳ người nào / những người nào, tổ chức nào liên quan đến:

(i) gây ra, lấy lý do hoặc đe dọa gây tổn hại của bất cứ tình trạng tự nhiên nào và bằng bất cứ hình thức nào;

(ii) gây sợ hãi/ hoảng loạn cho công chúng hoặc cho một bộ phận công chúng, trong trường hợp mà có thể kết luận hợp lý rằng mục đích của những người, những tổ chức có liên quan là toàn bộ hoặc một phần mang tính chất chính trị, tôn giáo, tư tưởng hoặc tương tự.

Mặc dù có những quy định trên đây, loại trừ này sẽ không áp dụng đối với bất cứ tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm hoặc chi phí phát sinh:

(A) trong khi đối tượng bảo hiểm đang ở vùng "hải phận" hoặc "không phận" được xác định trong Hiệp ước hải phận rủi ro chiến tranh và không phận rủi ro chiến tranh được ban hành bởi Hiệp hội các nhà bảo

hiểm Lloyd's và Học hội bảo hiểm Luân Đôn ngày 19 Tháng 12 năm 1997.

(B) trong khi hàng hóa đang trong quá trình vận chuyển bình thường được miêu tả trong điều khoản chấm dứt vận chuyển hàng hóa (khủng bố).

Nếu người tái bảo hiểm quyết định rằng bất kỳ tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm hoặc chi phí không được bồi thường theo điều khoản này, người nhượng tái bảo hiểm có quyền chứng minh ngược lại.

Điều khoản tự động chấm dứt bảo hiểm chiến tranh đình công hàng hóa

Bảo hiểm này sẽ tự động chấm dứt khi:

- Xuất hiện bất kỳ hành động thù địch gây nổ của bất kỳ vũ khí chiến tranh nào có sử dụng năng lượng nguyên tử hoặc hạt nhân và hoặc phản ứng hạt nhân, phóng xạ nguyên tử hoặc tương tự, cho dù các hành động này có thể ảnh hưởng hay không ảnh hưởng đến đối tượng được bảo hiểm
- Chiến tranh bùng nổ (dù có tuyên bố hay không) giữa bất kỳ nước nào sau đây:
 - + Vương Quốc Anh
 - + Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ
 - + Pháp
 - + Liên Bang Nga
 - + Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa
- Trường hợp đối tượng được bảo hiểm hoặc tàu chuyên chở nêu tên được trưng dụng để dùng tên hiệu/danh nghĩa hoặc sử dụng.

Trong trường hợp chấm dứt tự động đơn bảo hiểm này bởi lý do phát sinh các hoạt động theo các quy định nêu trên, phí bảo hiểm thuần sẽ được trả cho Người được bảo hiểm, có thể theo tỉ lệ hoặc theo thỏa thuận.

Điều khoản Loại trừ rủi ro năng lượng hạt nhân- bản sửa đổi Nhật Bản (1/4/1989)

Mặc dù tồn tại điều khoản 6.2.4, Hợp đồng này được mở rộng để bảo hiểm cho nhiên liệu hạt nhân trong quá trình vận chuyển khi được tái bảo hiểm từ các Công ty bảo hiểm hoặc tái bảo hiểm của Nhật Bản (bao gồm bất cứ việc bảo vệ tiếp theo của những rủi ro đó) trong các thời hạn trước khi vận chuyển và tại điểm đến cuối cùng cho đến khi hết thời hạn của đơn bảo hiểm hàng hóa ban đầu, nhưng giới hạn sáu mươi ngày lưu kho tại các nhà máy điện hoặc nơi lắp đặt lò phản ứng. Phạm vi bảo hiểm theo điều khoản mở rộng này bao gồm các dịch vụ từ thị trường Nhật Bản được tái bảo hiểm bởi các công ty thuộc sở hữu hay hoạt động ở Nhật Bản nhưng không bao gồm các dịch vụ bảo hiểm gốc tại các thị trường khác và sau đó tái bảo hiểm vào thị trường Nhật Bản

Các bên đồng ý rằng yellowcake U308 (triuranium octoxide) không phải là một nhiên liệu hạt nhân phục vụ mục đích thu hồi theo những hợp đồng đó, nhưng vẫn còn tùy thuộc vào quá trình loại trừ đang được thực hiện trong khi chuyển đổi. Các điều khoản của các đơn bảo hiểm gốc được hiểu là cung cấp cho đến khi hết thời hạn bảo hiểm khi hàng hóa được treo trên giá lưu kho giành cho các loại nhiên liệu hạt nhân, thông thường trong vòng hai tuần kể từ khi hàng đến tại nhà máy điện hoặc lắp đặt lò phản ứng nhưng không quá sáu mươi ngày.

Điều khoản loại trừ tấn công điều khiển (10/11/03)

- 1.1 Tùy thuộc vào khoản 1.2 dưới đây, trong bất kỳ trường hợp nào bảo hiểm này không bảo hiểm cho mất mát hư hỏng hoặc chi phí mà trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi hoặc góp phần bởi hoặc phát sinh từ việc sử dụng hoặc vận hành của bất kỳ máy tính, hệ thống máy tính, chương trình phần mềm máy tính, mã độc, virus máy tính hoặc quy trình hoặc bất kỳ hệ thống điện tử nào khác, như là một phương tiện để gây hại.
- 1.2 Trường hợp điều khoản này được bổ sung trong đơn bảo hiểm cho rủi ro chiến tranh, nội chiến, cách mạng, nổi loạn, khởi nghĩa hoặc xung đột dân sự phát sinh từ những biến cố đó hoặc bất kỳ hành động thù địch nào gây ra hoặc chống lại bên tham chiến hay chủ nghĩa khủng bố hoặc bất kỳ người nào hành động vì động cơ chính trị, khoản 1.1 sẽ

không áp dụng để loại trừ những thiệt hại (nói cách khác là sẽ được bảo hiểm) phát sinh từ việc sử dụng của bất kỳ máy tính, hệ thống máy tính, chương trình phần mềm máy tính hoặc bất kỳ hệ thống điện tử nào khác trong việc khởi động và/hoặc hệ thống hướng dẫn và/ hoặc cơ chế bắn của bất kỳ vũ khí hay tên lửa nào.

CL 380

- **Điều khoản hủy bỏ chiến tranh đình công**

Mặc dù có bất cứ điều gì trái với quy định nêu ở đây hoặc sau đó được gửi kèm theo đây, các bên hiểu và đồng ý rằng nếu hợp đồng bảo hiểm này quy định rằng rủi ro chiến tranh đình công bạo động và bạo loạn dân sự có thể được chuyển nhượng dưới đây, theo đó phạm vi hiệu lực của tái bảo hiểm này liên quan đến rủi ro chiến tranh đình công bạo động và bạo loạn dân sự sẽ tuân theo các điều kiện điều khoản không rộng hơn điều khoản đình công chiến tranh hiện hành của Luân Đôn tại thời điểm rủi ro bắt đầu được chuyển nhượng dưới đây hoặc tại thời điểm muộn hơn ngày bắt đầu hiệu lực hoặc ngày kỷ niệm gần nhất của hợp đồng này.

Việc chấp nhận rủi ro chiến tranh đình công bạo động và bạo loạn dân sự theo hợp đồng này luôn luôn phụ thuộc vào thông báo hủy bỏ trước 7 (bảy) ngày bởi một bên. Như vậy thời gian thông báo bắt đầu không muộn hơn 7 (bảy) ngày kể từ ngày thông báo được đưa ra bởi các nhà tái bảo hiểm.

Tuy nhiên các nhà tái bảo hiểm đồng ý phục hồi đơn bảo hiểm này theo thỏa thuận giữa nhà tái bảo hiểm và nhà nhượng tái bảo hiểm trước khi hết hạn thông báo hủy bỏ với mức tỷ lệ phí bảo hiểm và hoặc phí bảo hiểm và hoặc các điều kiện và hoặc các cam kết mới.

- **Điều khoản loại trừ rủi ro tín dụng và đảm bảo tài chính, rủi ro về chính trị**

Tái bảo hiểm này không bảo hiểm cho bất kỳ tổn thất hoặc trách nhiệm nào, dù đã được bảo hiểm hay tái bảo hiểm, phát sinh bởi:

1. Gian đoạn thực hiện hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn đối với tất cả các hình thức không thực hiện trách nhiệm của hợp đồng, cấm vận xuất nhập khẩu, không phê chuẩn hợp đồng, chuyển giao hối đoái, gọi công trái và bảo lãnh, bồi thường bất khả kháng.

2. Sai sót hoặc chậm trễ trong việc giao hay cung cấp bất kỳ tài sản nào trừ khi là hậu quả trực tiếp của tổn thất vật chất.

3. Bất kỳ hình thức bảo lãnh tài chính, bảo đảm tài chính hoặc bồi thường tín dụng nào

823AHR00133

- **Điều khoản loại trừ tổn thất do Amiang (SR 488- 17/7/2003).**

Hợp đồng này sẽ không áp dụng và không bao gồm bất kỳ trách nhiệm thực sự hoặc bị cáo buộc nào đối với bất kỳ khiếu nại hoặc những khiếu nại nào về những tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh trực tiếp hay gián tiếp từ, gây ra bởi, do hậu quả của, góp phần vào hoặc làm trầm trọng hơn do amiăng dưới bất cứ hình thức hoặc số lượng nào.

- **Điều khoản loại trừ rủi ro về ô nhiễm phóng xạ, vũ khí điện tử, vũ khí hóa sinh, , vũ khí sinh học, vũ khí hóa học (10.11.03)**

Điều khoản này sẽ được ưu tiên và sẽ thay thế bất cứ điều nào có trong bảo hiểm này không phù hợp với nó

1. Trong mọi trường hợp bảo hiểm này không bảo hiểm cho tổn thất thiệt hại trách nhiệm hoặc chi phí trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi, góp phần bởi hoặc phát sinh từ

1.1 Bức xạ ion hóa hoặc nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nhiên liệu hạt nhân nào hoặc chất thải hạt nhân nào hoặc từ quá trình đốt cháy nhiên liệu hạt nhân.

1.2 Các phóng xạ, chất độc hại, chất nổ hoặc các tài sản bị ô nhiễm và nguy hiểm khác của bất kỳ sự cài đặt hạt nhân nào, lò phản ứng hạt nhân hoặc bộ phận lắp ráp hạt nhân hoặc thành phần hạt nhân của chúng

- 1.3 Bất kỳ vũ khí hoặc thiết bị hạt nhân nào có sử dụng nguyên tử hạt nhân và/hoặc phản ứng hạt nhân, phóng xạ hoặc tương tự
- 1.4 Các phóng xạ, chất độc hại, chất nổ hoặc các tài sản bị ô nhiễm và nguy hiểm khác của bất kỳ trường hợp phóng xạ nào. Loại trừ trong điều khoản phụ này không mở rộng tới các chất đồng vị phóng xạ, trừ nhiên liệu hạt nhân, khi các chất đồng vị này đang được chuẩn bị, vận chuyển, lưu giữ, hoặc sử dụng cho mục đích thương mại, nông nghiệp, y tế, khoa học hoặc các mục đích hòa bình tương tự
- 1.5 Bất kỳ vũ khí điện từ, vũ khí hóa sinh, vũ khí sinh học, vũ khí hóa học nào.

CL370

- Điều khoản nguy hại công nghệ thông tin (16/11/2001)

Những thiệt hại, được bảo hiểm theo hợp đồng này, phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ:

(I) Tồn thất của, hoặc hư hỏng đối với, hoặc

(II) Sự xuống cấp hoặc hiệu chỉnh/biến đổi về chức năng hoặc vận hành của

Một hệ thống máy tính, phần cứng, chương trình, phần mềm, dữ liệu, thông tin lưu trữ, vi mạch, mạch tích hợp hoặc thiết bị tương tự bên trong hoặc kết nối với thiết bị máy tính hoặc các thiết bị không phải máy tính, cho dù là tài sản của chủ hợp đồng hoặc của người nhượng tái bảo hiểm hay không.

Sẽ không được tính gộp

Nếu những thiệt hại đó trực tiếp gây ra bởi một hay nhiều hơn các rủi ro vật chất sau đây, cụ thể là: Mất cắp thiết bị, tàu chở hàng bị mắc cạn, đắm va, đắm chìm, phương tiện vận chuyển đường bộ bị trật bánh hoặc bị lật đổ, ném hàng hoặc nước cuốn khỏi tàu, cháy, sét đánh, nổ, tác động của máy bay hoặc xe cộ, các vật thể rơi, gió bão, mưa đá, lốc xoáy, bão xoáy, cơn bão lớn, động đất, núi lửa, sóng thần, lũ lụt, đóng băng tuyết hoặc khối tuyết.

Theo đó điều khoản này sẽ không ngăn cản việc tính gộp tổn thất nếu được phép theo các điều khoản của hợp đồng này nếu những thiệt hại đó được gây ra bởi bất kỳ rủi ro nào như vậy.

- Điều khoản sửa đổi bổ sung nhận điện ngày điện tử – C (XLEDRC)

Cho dù có bất kỳ quy định nào khác được viết hoặc in trong hợp đồng trái ngược với những điều viết dưới đây, Sửa đổi bổ sung này vẫn sẽ là căn cứ hiệu lực cuối cùng.

1. Hợp đồng này không bảo hiểm cho những tổn thất, hư hỏng, trách nhiệm hoặc chi phí phát sinh từ hoặc bằng cách nào đó liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến:

a. Những hỏng hóc hoặc không có khả năng hoạt động thật sự hoặc dự đoán là có hỏng hóc, không có khả năng hoạt động của bất kỳ máy tính hoặc thiết bị điện tử hoặc linh kiện hoặc hệ thống hoặc phần mềm hay chương trình lắp đặt bên trong mà dù có hay không thuộc hoặc thuộc sở hữu tài sản của chính người được bảo hiểm;

i. Ấn định một cách chính xác và rõ ràng bất kỳ ngày nào đó thành đúng ngày, tuần, năm hoặc thế kỷ,

ii. Nhận định chính xác một chuỗi ngày hay tính toán bất kỳ một ngày nào đó mà dự định vượt quá hoặc đúng là vượt quá ngày 31/12/1998,

iii. Tiếp tục vận hành như bình thường dù ngày hiện tại, ngày thực sự hoặc bất kỳ ngày nào đó liên quan đến chức năng được vận hành bởi máy móc đó là trước 1/1/1999,

b. Việc sử dụng bất kỳ ngày định dạng nào tùy ý không rõ ràng không đầy đủ hoặc mã tương tự ngày nào đó trong bất kỳ dữ liệu, phần mềm hoặc chương trình lắp đặt bên trong;

c. Dù có hay không tiến hành biện pháp đề phòng, sửa chữa khắc phục hoặc biện pháp nào khác nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu bất kỳ tình trạng nào nêu trên.

2. Mặc dù có những quy định tại mục 1.(a) và 1.(b) nêu trên, hợp đồng này mở rộng phạm vi bao gồm
- Thiết hại vật chất và hư hỏng vật chất đối với tài sản hữu hình
 - Trách nhiệm đối với những hỏng hóc thực tế hoặc được cho là thật sự xảy ra với phần thân thiết bị
 - Trách nhiệm với những tổn thất, hư hỏng vật chất xảy ra với tài sản hữu hình thuộc sở hữu của người khác và thiệt hại do việc sử dụng tài sản bị hư hỏng vật chất đó

Quy định rằng mất mát, tổn hại hoặc trách nhiệm nêu trên thuộc phạm vi điều kiện, điều khoản và loại trừ của đơn bảo hiểm hoặc hợp đồng bảo hiểm gốc.

3. Vì mục đích cho mục 2 nêu trên, tài sản hữu hình sẽ không bao gồm:
- Bất kỳ dữ liệu hoặc chương trình lắp đặt bên trong nào dù đang được lưu trữ hay đang được tải;
 - Bất kỳ thiết bị máy tính hay thiết bị điện tử hoặc linh kiện hoặc hệ thống hoặc phần mềm nào, ngoại trừ trường hợp những tài sản đó là một phần của hàng hóa được bảo hiểm hoặc máy móc của con tàu, mà bằng cách nào đó trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến tổn thất hoặc mất mát bị khiếu nại hoặc từ đó phát sinh những mất mát hoặc thiệt hại.
4. Sửa đổi bổ sung này sẽ không bao gồm tổn thất, mất mát, trách nhiệm hoặc chi phí nảy sinh từ bất kỳ hợp đồng đơn phương thiết lập để bảo hiểm cho tổn thất nảy sinh từ những vấn đề liên quan đến mục 1 trên đây.

Để tính toán tổn thất thực sự trong hợp đồng này, công ty bảo hiểm/người nhượng Tái bảo hiểm không được coi bất kỳ vấn đề gì liên quan đến sửa đổi bổ sung này như một căn cứ cho việc tính toán tích tụ hoặc coi nó như một sự kiện hoặc nguyên nhân cho mục đích tính toán tích tụ.

Điều khoản loại trừ và giới hạn do bị trừng phạt theo các lệnh cấm vận (JC2010/214 -11/8/2010)

Nhà bảo hiểm/nhà tái bảo hiểm không cấp hợp đồng bảo hiểm và không chịu trách nhiệm chi trả cho bất kỳ khiếu nại nào hoặc cấp bất kỳ khoản trợ cấp nào theo đây trong phạm vi bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm, mà việc chi trả cho các khiếu nại hoặc trợ cấp như vậy sẽ khiến các nhà bảo hiểm (nhà tái bảo hiểm) bị trừng phạt, bị ngăn cấm hay bị hạn chế theo các nghị quyết của Liên Hợp Quốc hay theo lệnh cấm vận kinh tế hoặc thương mại, các luật lệ hoặc các quy định của Liên Minh Châu Âu, Vương Quốc Anh hay Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

THUYẾT MINH SỬA ĐỔI

QUY TẮC BẢO HIỂM HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA-2016

1. **Mục đích áp dụng:**

Quy tắc mới được xây dựng dựa trên các định hướng sau:

- Phù hợp hơn với đặc thù thực tế hoạt động của các loại hình vận chuyển hàng hóa nội địa trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.
- Đáp ứng yêu cầu thực tế mở rộng phạm vi bảo hiểm với sản phẩm bảo hiểm hàng hóa vận chuyển nội địa.
- Thống nhất một số thuật ngữ, quy định để đảm bảo tính thống nhất trong cách hiểu trong hệ thống BHBV và khách hàng
- Các nội dung quy định tại Quy tắc mới đảm bảo rõ ràng, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế, bám sát các quy định pháp luật, phù hợp với nhu cầu bảo hiểm của khách hàng trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

2. **Đối tượng áp dụng:**

Hàng hóa vận chuyển nội địa trong lãnh thổ Việt Nam và hoặc mở rộng quá cảnh sang các nước lân cận (có chung biên giới đường bộ)

3. **Phạm vi áp dụng:**

Trong lãnh thổ Việt Nam và hoặc mở rộng quá cảnh sang các nước lân cận (có chung biên giới đường bộ)

4. **Cấu trúc bộ Quy tắc:**

- Điều kiện bảo hiểm rủi ro nêu tên
- Các quy định chung: là những quy định liên quan đến trách nhiệm của Người được bảo hiểm và Người bảo hiểm.

5. **Giải thích các thay đổi so với điều khoản 1998:** Xem bảng dưới đây

6. **Chú thích các thuật ngữ/ định nghĩa:** Xem bảng dưới đây

7. **Tài liệu đính kèm:** Biểu phí bảo hiểm hàng vận chuyển nội địa

8. **Lưu ý khác:** Việc áp dụng quy tắc đi kèm với biểu phí, các lưu ý đối với từng loại hàng hóa được thể hiện trong biểu phí.

9. Bố cục của Quy tắc: Quy tắc VCNĐ 2016 bao gồm 03 chương như sau:

CHƯƠNG I. PHẠM VI ÁP DỤNG	Trang 2
CHƯƠNG II. ĐIỀU KIỆN BẢO HIỂM	Trang 3
CHƯƠNG III. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....	Trang 8

10. Nội dung so sánh sự khác nhau giữa QTND-98 và QTND-2016:

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
	CHƯƠNG I. NGUYÊN TẮC CHUNG	CHƯƠNG I. PHẠM VI ÁP DỤNG	
1	Điều 1. Quy tắc này bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ, đường sắt và đường thủy thuộc phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	→ Bổ sung thêm quy định: “áp dụng cho việc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển bằng đường hàng không”	→ Mở rộng phương thức vận chuyển
2	Điều 2. Quy tắc này còn được vận dụng khi có thỏa thuận riêng trong hợp đồng bảo hiểm cho việc bảo hiểm hàng hóa vận chuyển từ Việt Nam đi các nước lân cận và vận chuyển từ nước ngoài về được phép quá cảnh qua Việt Nam để sang các nước lân cận bằng phương tiện vận tải nói trên.	“Quy tắc này còn được vận dụng ...từ Việt Nam đi các nước lân cận... bằng phương tiện vận tải nói trên”. Sửa thành → “Quy tắc này còn được mở rộngtừ Việt Nam đi các nước lân cận (các nước có chung đường biên giới đường bộ) ...bằng các phương thức vận tải nói trên”	→ Làm rõ hơn định nghĩa về “ các nước lân cận”
	CHƯƠNG II. PHẠM VI BẢO HIỂM	CHƯƠNG II. ĐIỀU KIỆN BẢO HIỂM	
3	Điều 3. Trừ những trường hợp đã qui định loại trừ ở Chương III, Tổng công ty Bảo hiểm Việt	Điều 1. Chương II Điều khoản rủi ro Trừ những trường hợp loại trừ được quy định ở Điều 5,6,7,8,9 dưới đây, theo điều	→ Sắp xếp lại và mở rộng điều kiện bảo hiểm, các rủi được bảo hiểm của Vận chuyển nội địa mở

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
	<p>Nam (gọi tắt là người bảo hiểm) chịu trách nhiệm đối với những mất mát, hư hỏng xảy ra cho hàng hóa được bảo hiểm do hậu quả trực tiếp của một trong những nguyên nhân sau đây</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cháy hoặc nổ; 2. Động đất, bão lụt, gió lốc, sóng thần và sét đánh. 3. Phương tiện vận chuyển bị đắm, bị lật đổ, bị rơi, mắc cạn, đâm va nhau hoặc đâm va vào vật thể khác hay bị trật bánh; 4. Cây gãy đổ, cầu cống, đường hầm và các công trình kiến trúc khác bị sập đổ 5. Phương tiện chở hàng mất tích; 6. Tổn thất chung 	<p>kiện bảo hiểm này, Tổng Công Ty Bảo Hiểm Bảo Việt (sau đây gọi tắt là Người bảo hiểm) chịu trách nhiệm đối với:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1 Những mất mát, hư hỏng xảy ra cho hàng hoá được bảo hiểm có thể qui hợp lý cho các nguyên nhân sau: <ol style="list-style-type: none"> 1.1.1 Cháy hoặc nổ; 1.1.2 Phương tiện vận chuyển đường bộ bị lật đổ hoặc trật bánh; tàu hoặc phương tiện vận chuyển bị mắc cạn, đắm hoặc lật úp, đâm va nhau hoặc đâm va vào vật thể bên ngoài không kể nước. 1.1.3 Dỡ hàng tại một cảng nơi tàu gặp nạn 1.1.4 Động đất, bão lụt, gió lốc, sóng thần, núi lửa phun hoặc sét đánh; 1.1.5 Cây gãy đổ, cầu cống, đường hầm và các công trình kiến trúc khác bị sập đổ 1.1.6 Phương tiện chở hàng mất tích. 1.2 Những mất mát, hư hỏng xảy ra đối với hàng hoá được bảo hiểm do các nguyên nhân sau: <ol style="list-style-type: none"> 1.2.1 Hy sinh tổn thất chung; 1.2.2 Ném hàng khỏi tàu hoặc hàng bị nước cuốn khỏi tàu; 1.3 Tổn thất toàn bộ của bất kỳ kiện 	<p>rộng tương đương với điều kiện “B” của bảo hiểm vận chuyển đường biển theo điều khoản tiêu chuẩn ICC.</p>

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
		hàng nào rơi trong khi đang xếp hàng lên hay đang dỡ hàng khỏi phương tiện vận chuyển	
4	<p>Điều 4. Trường hợp hàng hóa được bảo hiểm theo điều 3 trên đây, nếu người được bảo hiểm yêu cầu thì Người bảo hiểm có thể nhận trách nhiệm bảo hiểm thêm một hay nhiều loại rủi ro phụ dưới đây, với điều kiện phải trả thêm phí bảo hiểm theo thỏa thuận. Hàng bị thiếu nguyên bao, nguyên kiện Hàng hóa bị tổn thất do đổ vỡ (loại trừ tổn thất do ướt)</p>	<p>Điều 4. Chương II Mở rộng bảo hiểm Trong trường hợp hàng hoá được bảo hiểm theo điều kiện này, nếu Người được bảo hiểm yêu cầu và được Bảo Việt đồng ý bảo hiểm thêm một hay nhiều loại rủi ro phụ dưới đây với điều kiện phải trả thêm phí bảo hiểm theo thoả thuận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cong và/hoặc bẹp (loại trừ cong, bẹp do ướt). - Rò, rỉ và/hoặc thiếu hụt hàng hoá. - Hư hại do móc cầu hàng. - Dây bần do dầu và/hoặc mỡ. - Hàng bị thiếu nguyên bao, nguyên kiện. - Hàng hóa bị tổn thất do đổ vỡ, rơi vỡ - Những rủi ro phụ khác theo thỏa thuận. 	<p>Đưa thêm các rủi ro phụ nhằm tạo tính linh hoạt trong công tác khai thác, đáp ứng yêu cầu thị trường</p>

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
5	<p>Điều 5. Trường hợp xảy ra tổn thất thuộc phạm vi trách nhiệm người bảo hiểm như nói trên, người bảo hiểm còn phải chịu trách nhiệm đối với những chi phí sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những chi phí hợp lý do người được bảo hiểm, người làm công hay đại lý của họ đã chi ra nhằm phòng tránh hoặc giảm nhẹ tổn thất cho hàng hóa được bảo hiểm. - Những chi phí hợp lý cho việc dỡ hàng, lưu kho và gửi tiếp hàng hóa được bảo hiểm tại một nơi dọc đường đi do hậu quả của rủi ro thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm. - Những chi phí hợp lý cho việc giám định và xác định số tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm. - Những chi phí tổn thất chung và chi phí cứu hộ. 	<p>Điều 2. Chương II Điều khoản chi phí liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> - “người bảo hiểm” sửa thành “ Bảo Việt” - Bổ sung quy định : “ Loại trừ những nguyên nhân đã quy định trong các điều 5,6,7,8,9 và những điểm khác trong hợp đồng bảo hiểm này” <p>Các nội dung khác không thay đổi</p>	

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
6	Không quy định	<p>Điều 3. Chương II Điều khoản “ tàu đâm va nhau hai bên cùng có lỗi” Bảo hiểm này bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với những trách nhiệm phát sinh theo điều khoản “Tàu đâm va nhau hai bên cùng có lỗi” trong hợp đồng chuyên chở liên quan đến bất kỳ rủi ro được bảo hiểm dưới đây. Trường hợp Người chuyên chở khiếu nại theo điều khoản nói trên thì Người được bảo hiểm phải thông báo cho Người bảo hiểm là người có quyền bảo vệ Người được bảo hiểm đối với khiếu nại đó và tự chịu mọi phí tổn.</p>	<p>→ Đưa ra quy định phù hợp với điều khoản tiêu chuẩn ICC.</p>
	CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM	BỎ TÊN CHƯƠNG	
7	<p>Điều 6.</p> <p>1. Chiến tranh, đình công, nội chiến, cách mạng, khởi nghĩa, phản loạn hoặc quần chúng nổi dậy, cướp, mìn, thủy lôi, bom hoặc các dụng cụ chiến tranh khác.</p>	<p>Điều 7. Chương II Điều khoản loại trừ chiến tranh Trong bất kỳ trường hợp nào bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho những mất mát hư hỏng hoặc chi phí gây ra bởi 7.1 chiến tranh, nội chiến, cách mạng, nổi loạn, khởi nghĩa hoặc xung đột dân sự phát sinh từ những biến cố đó, hoặc bất kỳ hành động thù địch nào gây ra hoặc chống lại bên tham chiến</p>	<p>→ Đưa ra quy định rõ hơn phù hợp với điều khoản tiêu chuẩn ICC.</p>

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
		7.2 bắt giữ, tịch thu, kiểm chế hay cầm giữ và hậu quả của những sự việc đó hoặc bất kỳ mưu toan nào nhằm thực hiện những hành vi đó 7.3 mìn, thủy lôi, bom hoặc những vũ khí chiến tranh hoang phế khác	
	2. Hậu quả trực tiếp hay gián tiếp của phóng xạ hay nhiễm phóng xạ phát sinh từ việc sử dụng năng lượng nguyên tử, hạt nhân và/hoặc phản ứng hạt nhân, phóng xạ tương tự.	Điều 5. Chương II Điều khoản loại trừ chung 5.8. mất mát hư hỏng hay chi phí phát sinh từ việc sử dụng bất kỳ một loại vũ khí chiến tranh gì có sử dụng năng lượng nguyên tử, hạt nhân và/hoặc phản ứng hạt nhân, phóng xạ hoặc tương tự.	
	3. Hành động xấu, cố ý hay hành vi phạm pháp của người được bảo hiểm hay người làm công cho họ.	Điều 5. Chương II Điều khoản loại trừ chung 5.1 mất mát, hư hỏng hay chi phí được quy cho hành vi xấu cố ý của Người được bảo hiểm.	
	4. Những mất mát, hư hỏng hay chi phí do khuyết tật vốn có hoặc do tính chất đặc thù của đối tượng được bảo hiểm	Điều 5. Chương II Điều khoản loại trừ chung 5.4. mất mát hư hỏng hay chi phí phát sinh do khuyết tật vốn có hoặc tính chất riêng của đối tượng được bảo hiểm	
	5. Xếp hàng quá tải (đối với hàng chở nguyên chuyên) hoặc xếp hàng sai quy cách không đảm bảo an toàn cho hàng hóa	Xóa bỏ quy định này	→ Không còn phù hợp với điều kiện giao

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
	khi vận chuyển		thông vận tải hiện thời và các quy định của pháp luật liên quan
	6. Đóng gói sai quy cách, bao bì không thích hợp hoặc hàng bị hỏng từ trước khi xếp lên phương tiện vận chuyển	<p>Điều 5. Chương II Điều khoản loại trừ chung 5.3. Mất mát hư hỏng hoặc chi phí phát sinh do việc đóng gói hoặc chuẩn bị cho đối tượng được bảo hiểm chưa đầy đủ hoặc không thích hợp (theo chủ ý của điều 5.3 này việc “đóng gói” sẽ được coi là bao gồm cả việc xếp hàng vào “container” hoặc “kiện gỗ” nhưng chỉ khi nào việc xếp hàng đó được thực hiện trước khi hợp đồng này có hiệu lực hoặc tiến hành bởi Người được bảo hiểm hoặc những người làm công cho họ)</p>	<p>→ Không bó chặt loại trừ có thể gây khó khăn trong giải quyết bồi thường, tương đồng với các điều khoản tiêu chuẩn ICC</p>
	7. Phương tiện vận chuyển không đủ khả năng lưu hành, không đảm bảo an toàn giao thông	<p>Điều 6. Chương II Điều khoản loại trừ phương tiện vận chuyển không đủ khả năng hoặc không thích hợp cho cho việc chuyên chở an toàn 6.1. Trong bất cứ trường hợp nào Đơn bảo hiểm/ Hợp đồng bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho những mất mát hư hỏng hoặc chi phí gây ra bởi: - phương tiện vận chuyển không đủ điều kiện lưu hành, không đủ khả năng hoặc không thích hợp cho việc vận chuyển an toàn cho đối tượng được bảo hiểm, nếu Người được bảo hiểm hoặc những</p>	<p>→ Giải thích rõ hơn về</p>

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
		<p>người làm công cho họ được biết về trạng thái không đủ kiện lưu hành, không đủ khả năng vận chuyển hoặc không thích hợp đó vào thời gian đối tượng được bảo hiểm được xếp vào các phương tiện trên.</p> <p>6.2 Người bảo hiểm bỏ qua mọi trường hợp vi phạm những cam kết ngụ ý phương tiện vận chuyển đủ khả năng và thích hợp cho việc chuyên chở đối tượng được bảo hiểm tới nơi đến, trừ khi Người được bảo hiểm hoặc người làm công cho họ được biết riêng về trạng thái không đủ khả năng vận chuyển hay không thích hợp đó</p>	phạm vi loại trừ
	8. Rò chảy thông thường, hao hụt trọng lượng hay giảm thể tích thông thường của hàng hóa được bảo hiểm trong quá trình vận chuyển.	<p>Điều 5. Chương II Điều khoản loại trừ chung 5.2. đối tượng được bảo hiểm bị rò chảy thông thường, hao hụt trọng lượng hoặc giảm thể tích thông thường hoặc hao mòn thông thường</p>	
	9. Những mất mát, hư hỏng hay chi phí có nguyên nhân trực tiếp do chậm trễ, dù chậm trễ đó do một rủi ro được bảo hiểm.	<p>Điều 5. Chương II Điều khoản loại trừ chung 5.5. mất mát hư hỏng hay chi phí trực tiếp gây ra do chậm trễ, ngay cả khi chậm trễ do một rủi ro được bảo hiểm gây ra (trừ những chi phí được chi trả theo điều 2 kể trên)</p>	

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
	10. Hàng hóa bị tổn thất trước khi cấp đơn bảo hiểm.	Xóa bỏ quy định này	
	11. Hàng hóa chờ quá địa điểm kết thúc hành trình ghi trên đơn bảo hiểm.	Xóa bỏ quy định này	
	Không quy định	Điều 5. Chương II Điều khoản loại trừ chung 5.6. mất mát hư hỏng hay chi phí phát sinh từ tình trạng không trả được nợ hoặc thiếu thôn về tài chính của Chủ tàu, người quản lý, người thuê hoặc người điều hành tàu.	→ Tương đồng với các điều khoản hàng hóa vận chuyển đường biển
	Không quy định	Điều 5. Chương II Điều khoản loại trừ chung 5.7. hư hại hoặc phá hủy do cố ý gây ra cho đối tượng bảo hiểm hay một bộ phận bất kỳ của đối tượng bảo hiểm do hành động sai trái của bất kỳ người nào.	→ Tương đồng với các điều khoản hàng hóa vận chuyển đường biển
	Không quy định	Điều 8. Chương II Điều khoản loại trừ đình công Trong bất kỳ trường hợp nào bảo hiểm này sẽ không bảo hiểm cho những mất mát hư hỏng hoặc chi phí 8.1. gây ra bởi những người đình công, công nhân bị cấm xưởng hoặc những người tham gia gây rối lao động, náo	→ Tương đồng với các điều khoản hàng hóa vận chuyển đường biển

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
		loạn hoặc bạo động dân sự 8.2. hậu quả của đình công, cấm xưởng, gây rối lao động, náo loạn hoặc bạo động dân sự 8.3. gây ra bởi bất kỳ kẻ khủng bố hoặc bất kỳ người nào hành động vì động cơ chính trị.	
	Không quy định	Điều 9. Chương II Điều khoản loại trừ bổ sung Điều khoản loại trừ rủi ro khủng bố (16/11/2001) Điều khoản tự động chấm dứt bảo hiểm chiến tranh đình công hàng hóa Điều khoản Loại trừ rủi ro năng lượng hạt nhân- bản sửa đổi Nhật Bản (1/4/1989) Điều khoản loại trừ tấn công điều khiển (10/11/03) Điều khoản hủy bỏ chiến tranh đình công Điều khoản loại trừ rủi ro tín dụng và đảm bảo tài chính, rủi ro về chính trị Điều khoản loại trừ tổn thất do Amiang (SR 488- 17/7/2003). Điều khoản loại trừ rủi ro về ô nhiễm phóng xạ, vũ khí điện từ, vũ khí hóa sinh, , vũ khí sinh học, vũ khí hóa học (10.11.03) Điều khoản nguy hại công nghệ thông	→ Phù hợp với các điều khoản tiêu chuẩn ICC

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
		tin (16/11/2001) Điều khoản sửa đổi bổ sung nhận điện ngày điện tử – C (XLEDRC) Điều khoản loại trừ và giới hạn do bị trừng phạt theo các lệnh cấm vận (JC2010/214 -11/8/2010)	
	CHƯƠNG IV. BẮT ĐẦU VÀ KẾT THÚC TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM	BỎ TÊN CHƯƠNG	
8	Điều 7. Trừ những trường hợp loại trừ đã qui định tại điều 6 trên đây, trách nhiệm bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực từ khi hàng hóa được bảo hiểm được xếp lên phương tiện chuyên chở tại địa điểm xuất phát ghi trong hợp đồng bảo hiểm để bắt đầu vận chuyển, tiếp tục có hiệu lực trong suốt quá trình vận chuyển bình thường và kết thúc vào lúc hàng hóa được dỡ khỏi phương tiện chuyên chở tại nơi đến ghi trong hợp đồng bảo hiểm.	THỜI HẠN BẢO HIỂM Điều 10. Chương II Điều khoản vận chuyển “Trừ những trường hợp loại trừ đã qui định tại điều 6 trên đây...” → Sửa thành: “Trừ những trường hợp loại trừ đã quy định tại điều 5 trên đây...” Các nội dung khác không thay đổi	
9	Điều 8. Trong quá trình vận chuyển nói trên nếu vì những sự cố nói ở điều 3 mà hàng hóa bắt buộc phải chuyển tải hoặc thay đổi hành trình thì bảo hiểm này vẫn giữ nguyên hiệu lực với điều kiện người được bảo hiểm phải thông báo ngay cho người bảo hiểm biết về việc xảy	Điều 11. Chương II Điều khoản thay đổi hành trình “Trong quá trình...sự cố nói ở điều 3...trường hợp cần thiết” → sửa thành “ “Trong quá trình...sự cố nói ở điều 1...trường hợp cần thiết”	

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
	ra hoặc thay đổi đó và phải trả thêm phí bảo hiểm trong trường hợp cần thiết.		
	CHƯƠNG V. THỦ TỤC BẢO HIỂM, SỐ TIỀN BẢO HIỂM VÀ GIÁ TRỊ BẢO HIỂM	CHƯƠNG III. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	
10	<p>Điều 9.</p> <p>1. Khi có nhu cầu bảo hiểm, người có nhu cầu phải làm giấy yêu cầu trong đó ghi rõ:</p> <p>a. Tên người được bảo hiểm.</p> <p>b. Tên hàng hóa, loại bao bì, cách đóng gói và ký mã hiệu của hàng hóa được bảo hiểm.</p> <p>c. Trọng lượng, số lượng hàng hóa và giá trị hàng hóa được bảo hiểm.</p> <p>d. Hành trình vận chuyển (nơi đi - nơi đến và nơi chuyển tải nếu có).</p> <p>đ. Tên chủ phương tiện, loại phương tiện và số đăng ký của các phương tiện vận tải đó.</p> <p>e. Ngày, tháng phương tiện vận chuyển khởi hành và dự kiến ngày đến.</p> <p>2. Người bảo hiểm sẽ căn cứ vào giấy yêu cầu bảo hiểm để cấp “Giấy chứng nhận bảo hiểm”</p>	<p>THỦ TỤC KÊ KHAI BẢO HIỂM</p> <p>Điều 1. Chương III</p> <p>- “ Khi có nhu cầu bảo hiểm, người có nhu cầu..... ”</p> <p>→ sửa thành “Khi có nhu cầu bảo hiểm, người được bảo hiểm...”</p> <p>Mục đ. “Tên chủ phương tiện”</p> <p>→ Sửa thành “ Tên phương tiện” và thêm quy định “có thể báo sau”</p> <p>- Mục e : Thêm quy định “có thể báo sau”</p> <p>- Điểm 2 → Sửa thành “Người bảo hiểm sẽ căn cứ vào giấy yêu cầu bảo hiểm để cấp “Giấy chứng nhận bảo hiểm/ Đơn bảo hiểm và/ hoặc Hợp đồng bảo hiểm”</p>	<p>→ Phù hợp về ngôn từ và các quy định nghiệp vụ</p> <p>→ Phù hợp về ngôn từ và các quy định nghiệp vụ</p>

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
	<p>3. Người được bảo hiểm phải thanh toán phí bảo hiểm cho Người bảo hiểm ngay khi nhận giấy chứng nhận bảo hiểm. Người bảo hiểm chỉ bồi thường khi đã nhận được phí bảo hiểm trước khi tổn thất xảy ra (trừ khi có thỏa thuận khác)</p> <p>4. Nếu sau khi hợp đồng bảo hiểm được ký kết mà có bất kỳ thay đổi nào về những thông tin đã cung cấp liên quan đến lô hàng được bảo hiểm thì người được bảo hiểm có trách nhiệm thông báo cho người bảo hiểm biết ngay khi họ được biết sự thay đổi đó. Khi nhận được thông báo này, người bảo hiểm sẽ cấp giấy sửa đổi bổ sung và có thể yêu cầu người được bảo hiểm trả thêm phí bảo hiểm.</p>	<p>- Điểm 3 → Sửa thành “ Trừ khi có thỏa thuận khác, Người được bảo hiểm phải thanh toán phí bảo hiểm cho Người bảo hiểm ngay khi nhận Đơn bảo hiểm/ Giấy chứng nhận bảo hiểm và hoặc Hợp đồng bảo hiểm.”</p> <p>- Điểm 4 :</p> <p>“Nếu... Khi nhận được thông báo này, người bảo hiểm sẽ cấp giấy sửa đổi bổ sung và có thể yêu cầu người được bảo hiểm trả thêm phí bảo hiểm”</p> <p>→ Sửa thành</p> <p>“Nếu..... Khi nhận được thông báo thay đổi này, nếu chấp thuận bảo hiểm bằng văn bản, Người bảo hiểm sẽ cấp giấy sửa đổi bổ sung và có thể yêu cầu Người được bảo hiểm trả thêm phí bảo hiểm”.</p>	vụ
11	<p>Điều 10.</p> <p>Nếu người được bảo hiểm khai báo sai hoặc giấu giếm những điểm đề ra trong giấy yêu cầu bảo hiểm hay những sự việc thay đổi đã</p>	<p>QUY ĐỊNH KHAI BÁO</p> <p>Điều 5. Chương III</p> <p>Nếu Người được bảo hiểm khai báo sai hoặc giấu giếm những điểm đề ra trong giấy yêu cầu bảo hiểm hay những thay đổi đối với những sự việc đã được Người được bảo hiểm biết hoặc đã thông báo tới</p>	→ không bó chặt trong giải quyết bồi thường mà phải xem xét thấu

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
	được thông báo cho người bảo hiểm, thì người bảo hiểm được miễn trách nhiệm đã qui định trong hợp đồng bảo hiểm mà vẫn có quyền nhận phí bảo hiểm.	Người bảo hiểm, Người bảo hiểm có quyền từ chối giải quyết bồi thường toàn bộ hoặc một phần số tiền khiếu nại mà vẫn có quyền nhận phí bảo hiểm trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản	đáo sự việc và linh hoạt trong giải quyết sự cố.
12	Điều 11. Giấy chứng nhận bảo hiểm có thể được chuyển nhượng cho một người khác sau khi người được bảo hiểm hay đại diện có thẩm quyền của họ ký ở mặt sau giấy chứng nhận bảo hiểm	Xóa bỏ quy định này	→ Không cần thiết
13	Điều 12. Số tiền bảo hiểm của hàng hóa được bảo hiểm phải là giá trị của hàng hóa do người được bảo hiểm kê khai phù hợp với giá thị trường. Nếu người được bảo hiểm không khai báo được số tiền bảo hiểm thì có thể áp dụng cách tính giá trị bảo hiểm như sau: Giá trị bảo hiểm bao gồm giá tiền hàng ghi trên hóa đơn (hoặc giá hàng thực tế tại nơi gửi hàng nếu không có hóa đơn) cộng chi phí vận chuyển và phí bảo hiểm. Trừ khi có thỏa thuận khác, người được bảo hiểm có thể tính gộp cả tiền lãi ước tính vào số tiền bảo hiểm. Tuy nhiên, tiền lãi này không được vượt quá 10% giá trị bảo hiểm.	SỐ TIỀN BẢO HIỂM VÀ VÀ GIÁ TRỊ BẢO HIỂM Điều 6. Chương III 6.1. Số tiền bảo hiểm của hàng hóa được bảo hiểm là số tiền do Người được bảo hiểm khai báo, dựa trên giá trị của hàng hóa được bảo hiểm. 6.2. Giá trị bảo hiểm của hàng hóa được bảo hiểm là giá trị của hàng hóa được bảo hiểm phù hợp với giá thị trường của loại hàng hóa đó. Giá trị bảo hiểm có thể bao gồm : giá tiền hàng ghi trên hóa đơn (hoặc giá hàng thực tế tại nơi gửi hàng, nếu không có hóa đơn), cộng chi phí vận chuyển và phí bảo hiểm. 6.3. Trừ khi có thỏa thuận khác, Người	→ Giải thích rõ hơn nhằm dễ hiểu hơn

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
		<p>được bảo hiểm có thể tính gộp cả tiền lãi ước tính vào số tiền bảo hiểm. Tuy nhiên, tiền lãi này không được vượt quá 10% giá trị bảo hiểm hoặc nếu Người được bảo hiểm không khai báo, số tiền bảo hiểm được coi là giá trị bảo hiểm.</p>	
	<p>CHƯƠNG VI. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM KHI XẢY RA TỖN THẤT</p>	<p>BỎ TÊN CHƯƠNG</p>	
<p>14</p>	<p>Điều 13. Trường hợp xảy ra tổn thất cho hàng hóa thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm như trong điều 3 và 4, người được bảo hiểm hay người làm công cho họ hoặc đại diện của họ phải:</p> <p style="padding-left: 40px;">Khai báo ngay với cơ quan chức trách địa phương để xử lý và lập biên bản theo luật lệ hiện hành.</p> <p style="padding-left: 40px;">Thông báo ngay cho người bảo hiểm hay đại diện của họ tại địa phương gần nhất đến giám định trong thời gian sớm nhất.</p> <p style="padding-left: 40px;">Phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết để cứu chữa và bảo quản hàng hóa nhằm hạn chế tổn thất</p> <p style="padding-left: 40px;">Làm các thủ tục cần thiết để bảo lưu quyền đòi bồi thường đối với người chuyên</p>	<p>GIẢM NHỆ TỖN THẤT Điều 22. Chương II Điều khoản nghĩa vụ của người được bảo hiểm Trường hợp xảy ra tổn thất cho hàng hóa thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm như trong điều 1 Người được bảo hiểm hay người làm công cho họ hoặc đại diện của họ phải khẩn trương hợp lý trong mọi tình huống thuộc khả năng kiểm soát của họ:</p> <p style="padding-left: 20px;">a. Khai báo ngay với cơ quan chức trách địa phương để xử lý và lập biên bản theo luật lệ hiện hành.</p> <p style="padding-left: 20px;">b. Thông báo ngay cho Người bảo hiểm hay đại diện của họ tại địa phương gần nhất đến giám định trong thời gian sớm nhất.</p>	<p>→ Quy định rõ hơn về nghĩa vụ khẩn trương hợp lý của người được bảo hiểm và làm rõ người bảo hiểm sẽ hoàn trả cho Người được bảo hiểm bất kỳ</p>

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
	<p>chở hay người thứ ba khác có trách nhiệm đối với tổn thất, mất mát hàng hóa trong tai nạn ấy.</p> <p>Người bảo hiểm có quyền từ chối giải quyết bồi thường một phần hay toàn bộ tổn thất nếu người được bảo hiểm không thi hành đầy đủ những nghĩa vụ trên</p>	<p>c. Áp dụng mọi biện pháp cần thiết được coi là hợp lý nhằm mục đích ngăn ngừa hoặc giảm nhẹ tổn thất.</p> <p>d. Làm các thủ tục cần thiết để bảo lưu quyền đòi bồi thường đối với người chuyên chở hay người thứ ba khác có trách nhiệm đối với tổn thất, mất mát hàng hóa trong tai nạn ấy.</p> <p>Người bảo hiểm ngoài trách nhiệm đối với những tổn thất thuộc phạm vi bồi thường của bảo hiểm này sẽ hoàn trả cho Người được bảo hiểm bất kỳ chi phí nào đã chi ra một cách hợp lý và thỏa đáng để thực hiện nghĩa vụ này.</p> <p>Người bảo hiểm có quyền từ chối giải quyết bồi thường một phần hay toàn bộ tổn thất nếu Người được bảo hiểm không thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ trên.</p>	<p>chi phí nào đã chi ra một cách hợp lý và thỏa đáng để thực hiện nghĩa vụ này</p>
15	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 23. Chương II Điều khoản không phương hại Mọi biện pháp do Người được bảo hiểm hoặc Người bảo hiểm thực hiện nhằm mục đích cứu vớt, bảo vệ hoặc khôi phục lại đối tượng được bảo hiểm sẽ không được coi như sự từ bỏ hoặc sự chấp nhận từ bỏ hoặc về mặt khác làm phương hại đến các quyền lợi của mỗi</p>	<p>→ Quy định chặt chẽ hơn nhằm phù hợp với thực tế bảo hiểm</p>

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
		bên.	
16	<p>Điều 14. Đề đòi bồi thường, người khiếu nại phải có quyền lợi trong đối tượng được bảo hiểm vào thời gian xảy ra tổn thất đồng thời người khiếu nại đã thực sự chịu tổn thất thực tế đó.</p> <p>Khi khiếu nại người bảo hiểm về những mất mát hư hỏng thuộc trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, người được bảo hiểm cần nộp đủ những giấy tờ sau:</p> <p>Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm. Bản chính hợp đồng vận chuyển, giấy vận chuyển hàng hóa do chủ phương tiện cấp. Hóa đơn bán hàng kèm theo bản kê chi tiết hàng hóa, phiếu ghi trọng lượng và số lượng hàng hóa. Biên bản giám định hàng tổn thất do Bảo Việt hoặc người được Bảo Việt chỉ định cấp có ghi rõ mức độ tổn thất. Biên bản điều tra tai nạn của cơ quan chức trách địa phương trong trường hợp phương tiện vận chuyển bị đắm, lật, đâm va. v.v... Văn bản khiếu nại người chuyên chở hay người thứ ba khác về trách nhiệm đối với tổn thất do họ gây ra. Thư đòi bồi thường.</p>	<p>KHIẾU NẠI Điều 12. Chương II Điều khoản quyền lợi bảo hiểm</p> <p>Đề đòi bồi thường, người khiếu nại phải có quyền lợi trong đối tượng được bảo hiểm vào thời gian xảy ra tổn thất đồng thời người khiếu nại đã thực sự chịu tổn thất thực tế đó.</p> <p>HỒ SƠ KHIẾU NẠI BỒI THƯỜNG Điều 7. Chương III</p> <p>7. Khi khiếu nại Người bảo hiểm về những mất mát hư hỏng thuộc trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, Người được bảo hiểm cần cung cấp đủ những giấy tờ sau:</p> <p>a. Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm. b. Bản chính hoặc bản sao y công chứng/chứng thực hợp đồng vận chuyển và/Hoặc Phiếu vận chuyển hoặc những bằng chứng tài liệu tương đương như Biên bản giao nhận hàng hoặc các chứng từ vận chuyển khác</p>	<p>→ Để phù hợp với thực tế kinh doanh của khách hàng cũng như công tác thu thập hồ sơ trong giải quyết bồi thường cho khách hàng.</p>

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
		<p>c. Bản chính hoặc bản sao hóa đơn bán hàng kèm theo bản kê chi tiết hàng hóa, phiếu ghi trọng lượng và số lượng hàng hóa hoặc chứng từ, tài liệu liên quan chứng minh giá trị hàng hóa trong trường hợp không có hóa đơn.</p> <p>d. Biên bản giám định hàng tổn thất của Người bảo hiểm hoặc của người được Người bảo hiểm chỉ định /hoặc chấp thuận.</p> <p>Trong trường hợp hồ sơ khiếu nại không có biên bản giám định của Người bảo hiểm hoặc của người được Người bảo hiểm chỉ định/chấp nhận thông qua thì Người bảo hiểm có quyền từ chối giải quyết bồi thường toàn bộ hoặc một phần số tiền khiếu nại trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản.</p> <p>e. Bản chính hoặc bản sao có dấu xác nhận của Người được bảo hiểm các biên bản điều tra tai nạn của cơ quan chức trách địa phương trong trường hợp phương tiện vận chuyển bị đắm, lật, đâm va. v.v...</p> <p>f. Bản chính hoặc sao y bản chính văn bản khiếu nại người chuyên chở hay người thứ ba khác về trách nhiệm đối với</p>	

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
		<p>tổn thất do họ gây ra (trừ trường hợp bên vận chuyển đồng thời là người mua bảo hiểm)</p> <p>g. Bản sao các tài liệu liên quan (nếu có), tùy từng trường hợp cụ thể</p> <p>h. Thư đòi bồi thường.</p>	
	CHƯƠNG VII: XÁC ĐỊNH TỔN THẤT	BỎ TÊN CHƯƠNG	
17	<p>Điều 15. Tổn thất toàn bộ nói trong qui tắc này bao gồm tổn thất toàn bộ ước tính và tổn thất toàn bộ thực tế.</p> <p>1. Khi xảy ra mất mát, hư hỏng thuộc phạm vi trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, nếu hàng hóa được bảo hiểm bị phá hủy hoàn toàn hay bị hư hỏng nghiêm trọng tới mức không còn là vật phẩm với tính chất ban đầu của nó nữa hoặc người được bảo hiểm bị mất hẳn quyền sở hữu hàng hóa thì được coi là tổn thất toàn bộ thực tế.</p> <p>2. Khi hàng hóa được bảo hiểm bị mất mát hay hư hỏng thuộc phạm vi trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm, nếu xét thấy không tránh khỏi tổn thất toàn bộ thực tế hoặc do các chi phí cứu hàng, chi phí chính lý và gửi hàng đến nơi nhận ghi trong hợp đồng bảo hiểm có thể vượt quá giá trị hàng khi tới nơi nhận đó thì được coi là tổn thất toàn bộ ước tính.</p> <p>3. Bất kỳ trường hợp mất mát hay hư hỏng</p>	<p>Điều 13. Chương II Điều khoản tổn thất toàn bộ</p> <p>Điểm 1: Bỏ quy định "...hoặc người được bảo hiểm bị mất hẳn quyền sở hữu hàng hóa..."</p> <p>Điểm 2 "Khi hàng hóa..... chi phí chính lý....tổn thất toàn bộ ước tính → sửa thành" Khi hàng hóa..... chi phí sửa chữa/phục hồi.... tổn thất toàn bộ ước tính"</p>	<p>→ Không xác định được mức độ quyền sở hữu hàng hóa, hoặc hàng hóa vẫn còn tồn tại, để gây tranh chấp.</p> <p>→ Làm rõ nghĩa</p>

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
	<p>nào không thuộc loại tổn thất đã nói ở hai phần trên đều được coi là tổn thất bộ phận.</p>	<p>Bổ sung thêm quy định : “13.4. Nếu phương tiện chở hàng bị mất tích thì hàng hóa được bảo hiểm sẽ được coi là tổn thất toàn bộ thực tế.</p> <p>Các quy định khác không thay đổi.</p>	
18	<p>Điều 16. Nếu phương tiện chở hàng bị mất tích thì hàng hóa được bảo hiểm sẽ được coi là tổn thất toàn bộ thực tế. Phương tiện vận chuyển hàng được coi là mất tích khi không tới được nơi đến ghi trong hợp đồng bảo hiểm và cũng không có tin tức gì về phương tiện đó. Thời gian cần thiết để xác định phương tiện chuyên chở bị mất tích không ít hơn 3 tháng kể từ ngày dự tính phương tiện chuyên chở đến nơi ghi trong hợp đồng bảo hiểm.</p>	<p>Xóa bỏ quy định này</p>	<p>→ Xóa bỏ định nghĩa “mất tích” theo điều khoản tự ý của người bảo hiểm, bất lợi trong tranh chấp.</p>
	<p>CHƯƠNG VIII. CÁCH TÍNH VÀ THANH TOÁN BỒI THƯỜNG</p>	<p>BỎ TÊN CHƯƠNG</p>	

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
19	<p>Điều 17. Khi hàng hóa bảo hiểm bị tổn thất bộ phận thì số tiền bồi thường sẽ được tính trên cơ sở mức độ tổn thất nhân với số tiền bảo hiểm. Mức độ tổn thất sẽ được xác định bằng cách lấy số chênh lệch giữa tổng giá trị hàng khi còn nguyên vẹn và khi bị tổn thất tại cảng dỡ hàng chia cho tổng giá trị hàng khi còn nguyên vẹn tại cảng dỡ hàng.</p>	<p>Điều 14. Chương II Điều khoản tổn thất bộ phận Khi hàng hóa được bảo hiểm bị tổn thất bộ phận thì số tiền bồi thường được xác định bằng tổng giá trị hàng hóa khi còn nguyên vẹn trừ đi tổng giá trị hàng hóa còn lại sau khi đã bị tổn thất tại nơi nhận hàng trên cơ sở tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm</p>	
20	<p>Điều 18. Trách nhiệm của người bảo hiểm chỉ giới hạn ở số tiền bảo hiểm. Nếu số tiền bảo hiểm của hàng hóa thấp hơn giá trị bảo hiểm thì người bảo hiểm chỉ bồi thường những mất mát hư hỏng và các chi phí như đã qui định ở điều 3, 4 và 5 chương II theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị bảo hiểm. Nếu số tiền bảo hiểm của hàng hóa cao hơn giá trị bảo hiểm thì phần cao hơn đó không được thừa nhận.</p>	<p>Điều 15. Chương II Điều khoản giới hạn trách nhiệm “Nếu số tiền bảo hiểm như đã qui định ở điều 3, 4 và 5 chương II.....không được thừa nhận “ → Sửa thành “Nếu số tiền bảo hiểm..... như đã quy định ở điều 1,2không được thừa nhận”</p>	
21	<p>Điều 19. Người bảo hiểm có quyền được miễn mọi trách nhiệm qui định trong hợp đồng bảo hiểm bằng cách khước từ quyền lợi về hàng hoá bảo hiểm và quyền khiếu nại người thứ ba, đồng thời bồi thường cho Người được bảo hiểm toàn bộ số tiền bảo hiểm.</p>	<p>Điều 18. Chương II Điều khoản từ bỏ trách nhiệm Nội dung không thay đổi</p>	

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
22	<p>Điều 20. Trường hợp phải tuân thủ ý kiến của người bảo hiểm để thực hiện các biện pháp để phòng tổn thất thì người bảo hiểm phải thanh toán cho người được bảo hiểm nhưng chi phí hợp lý và cần thiết khi áp dụng biện pháp này dù cho tổng số tiền bồi thường như vậy có thể vượt quá số tiền bảo hiểm.</p>	<p>Điều 16. Chương II Điều khoản chi phí hợp lý</p> <p>Trách nhiệm của Người bảo hiểm chi giới hạn ở số tiền bảo hiểm. Tuy nhiên Người bảo hiểm vẫn phải chịu trách nhiệm đối với số tiền tổn thất cộng với các chi phí cứu hộ, phí giám định, chi phí đánh giá và bán hàng hoá tổn thất, chi phí đòi người thứ ba bồi thường và tiền đóng góp tổn thất chung, dù cho tổng số tiền bồi thường như vậy có thể vượt quá số tiền bảo hiểm.</p> <p>Trường hợp phải tuân thủ ý kiến của Người bảo hiểm để thực hiện các biện pháp để phòng tổn thất thì Người bảo hiểm phải thanh toán cho Người được bảo hiểm những chi phí hợp lý và cần thiết khi áp dụng biện pháp này dù cho tổng số tiền bồi thường như vậy có thể vượt quá số tiền bảo hiểm.</p>	<p>→ Định nghĩa rõ về giới hạn số tiền khiếu nại bảo hiểm, chi phí được bồi hoàn.</p>
23	Không quy định	<p>Điều 17. Chương II Điều khoản tổn thất chung</p> <p>Trong trường hợp có tổn thất chung thuộc phạm vi trách nhiệm hợp đồng bảo hiểm thì số tiền đóng góp tổn thất chung của Người được bảo hiểm sẽ được Người bảo hiểm bồi thường lại đầy đủ. Tuy nhiên, nếu số tiền bảo hiểm của hàng hoá lại thấp hơn giá trị đóng góp tổn thất chung thì Người bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường tiền đóng</p>	<p>→ Định nghĩa rõ về cách tính toán khi có tổn thất chung</p>

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
		góp tổn thất chung theo tỉ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị đóng góp.	
24	<p>Điều 21. 1.Sau khi kiểm tra và xác nhận hồ sơ khiếu nại của người được bảo hiểm là hợp lệ và tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm, người bảo hiểm sẽ thanh toán bồi thường cho người được bảo hiểm trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ khi khiếu nại hợp lệ Trường hợp hồ sơ khiếu nại gửi đến chưa hợp lệ hoặc cần xác minh thêm hoặc tổn thất không thuộc trách nhiệm bảo hiểm thì người bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho người được bảo hiểm biết trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ khiếu nại. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được giấy thông báo bồi thường hoặc giấy từ chối bồi thường mà người được bảo hiểm không có ý kiến gì bằng văn bản thì vụ khiếu nại đó coi như đã kết thúc.</p> <p>2.Khi thanh toán tiền bồi thường, người bảo hiểm có thể khấu trừ vào tiền bồi thường các khoản thu nhập của người được bảo hiểm trong việc bán hàng hóa cứu được và đòi người thứ ba.</p> <p>3.Trường hợp phương tiện vận chuyên bị mất tích, hàng hóa đã được coi là tổn thất toàn bộ hoặc hàng bị mất mà sau khi đã bồi thường lại tìm thấy hàng thì số hàng đó sẽ thuộc quyền sở hữu của người bảo hiểm và được xử lý theo chế độ hiện hành của Nhà nước.</p>	<p>THANH TOÁN BỒI THƯỜNG Điều 8,9,10,11; Chương III</p> <p>“ 1. Sau khi kiểm tra và xác nhận hồ sơ khiếu nại ... kể từ ngày nhận được hồ sơ khi khiếu nại hợp lệ → Sửa thành “8. Sau khi kiểm tra và xác nhận hồ sơ khiếu nại kể từ ngày nhận được hồ sơ khi khiếu nại đầy đủ, hợp lệ.</p> <p>Các nội dung khác không thay đổi</p>	<p>→ Làm rõ các thời hạn theo đúng qui định pháp luật</p>

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
	CHƯƠNG IX. CHUYỂN QUYỀN ĐÒI BỒI THƯỜNG VÀ VIỆC TỪ BỎ HÀNG HÓA	BỎ TÊN CHƯƠNG	
25	<p>Điều 22. Sau khi thanh toán bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm, mọi khoản khiếu nại và quyền khiếu nại của người được bảo hiểm đối với người thứ ba đều được chuyển cho người bảo hiểm mà giới hạn là số tiền đã bồi thường. Ngay khi nhận được tiền bồi thường, người được bảo hiểm có trách nhiệm chuyển cho người bảo hiểm quyền đòi người thứ ba bồi thường và các chứng từ cần thiết liên quan đến việc đó.</p> <p>Nếu người được bảo hiểm bỏ qua quyền đòi người thứ ba hoặc nếu do lỗi của họ mà không thể thực hiện được quyền này (như hết hạn gửi thư khiếu nại người chịu trách nhiệm về tổn thất v.v...) thì người bảo hiểm sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường với một mức độ thích hợp và nếu việc bồi thường của bảo hiểm đã được giải quyết thì người được bảo hiểm có nghĩa vụ hoàn lại cho người bảo hiểm một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường mà họ đã nhận được, tùy theo từng trường hợp cụ thể.</p>	<p>Điều 21. Chương II Điều khoản chuyển quyền 21.1 Sau khi thanh toán bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm, mọi khoản khiếu nại và quyền khiếu nại của Người được bảo hiểm đối với người thứ ba đều được chuyển cho Người bảo hiểm mà giới hạn là số tiền đã bồi thường. Ngay khi nhận được tiền bồi thường, Người được bảo hiểm có trách nhiệm chuyển cho Người bảo hiểm quyền đòi người thứ ba bồi thường và các chứng từ cần thiết liên quan đến việc đó.</p> <p>21.2 Nếu Người được bảo hiểm từ chối chuyển quyền cho Người bảo hiểm, không bảo lưu hoặc từ bỏ quyền yêu cầu người thứ ba bồi thường thì Người bảo hiểm có quyền khấu trừ số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của Người được bảo hiểm. Nếu việc thanh toán bồi thường đã được thực hiện thì Người được bảo hiểm có nghĩa vụ hoàn lại cho Người bảo hiểm toàn bộ hoặc một phần số tiền bồi thường mà họ đã nhận được</p>	<p>→ Sửa lại nội dung cho phù hợp với Luật KDBH</p>



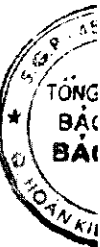
STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCND <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCND- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
		tùy theo mức độ lỗi của Người được bảo hiểm	
26	Điều 23. Sau khi người bảo hiểm bồi thường một vụ tổn thất toàn bộ (có thể bồi thường tất cả hoặc nguyên một phần hàng được bảo hiểm) họ còn có quyền thu hồi những gì còn lại của phần hàng hóa đã được bồi thường theo qui định hiện hành của Nhà nước.	Điều 20. Chương II Điều khoản thu hồi hàng hóa Sau khi bồi thường một vụ tổn thất toàn bộ (có thể bồi thường tất cả hoặc nguyên một phần hàng được bảo hiểm), Người bảo hiểm còn có quyền sở hữu, thu hồi và xử lý những gì còn lại của phần hàng hóa đã được bồi thường theo quy định của pháp luật	→ Làm rõ thêm nội dung
27	Điều 24. 1. Trường hợp người được bảo hiểm muốn khiếu nại tổn thất toàn bộ ước tính cho hàng hóa được bảo hiểm thì họ phải gửi thông báo từ bỏ hàng cho người bảo hiểm. Nếu không thực hiện theo qui định này thì tổn thất chỉ được giải quyết theo hình thức bồi thường tổn thất bộ phận. 2. Thông báo từ bỏ hàng phải làm bằng văn bản mà trong mọi trường hợp phải cho biết ý định của người được bảo hiểm là từ bỏ không điều kiện mọi quyền lợi về hàng hóa được bảo hiểm cho người bảo hiểm. 3. Trường hợp thông báo từ bỏ hàng được gửi theo đúng qui định thì quyền khiếu nại của người được bảo hiểm không bị phương hại bởi việc người bảo hiểm từ chối chấp	Điều 19. Chương II Điều khoản từ bỏ hàng Nội dung không thay đổi	

STT	Quy tắc BH Hàng hóa VCNĐ <u>1998</u>	Quy tắc BH hàng hóa VCNĐ- <u>2016</u>	Lý do điều chỉnh
	nhận từ bỏ hàng. Khi thông báo từ bỏ hàng đã được chấp nhận thì việc từ bỏ hàng không còn thay đổi khác được.		
	CHƯƠNG X. THỜI HIỆU KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ TRANH CHẤP	BỎ TÊN CHƯƠNG	
28	Điều 25. Quyền đòi bồi thường của người được bảo hiểm sẽ hết hiệu lực sau 1 năm/hoặc 2 năm trong trường hợp vận chuyển ven biển kể từ ngày phát sinh quyền đó.	THỜI HIỆU KHIẾU NẠI Điều 24. Chương II Thời hạn Người được bảo hiểm có quyền khiếu nại bồi thường tổn thất được quy định là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra sự cố tổn thất.	→ Để phù hợp với quy định pháp luật
29	Điều 26. Bất kỳ một vụ tranh chấp nào có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm mà không giải quyết được bằng hình thức thương lượng giữa người được bảo hiểm và người bảo hiểm đều phải chuyển tới Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam hoặc Tòa án Việt Nam để xét xử theo pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam.	Điều 25. Chương II Điều khoản cơ chế xử lý tranh chấp Bất kỳ một vụ tranh chấp nào có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm mà không giải quyết được bằng hình thức thương lượng giữa Người được bảo hiểm và Người bảo hiểm đều phải chuyển tới Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng công nghiệp và thương mại Việt Nam hoặc Tòa án Việt Nam để xét xử theo pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam.	→ Làm rõ thông tin về trung tâm trọng tài quốc tế

BIỂU PHÍ HÀNG VCND COMMODITY BASE RATE

I. PHẦN I- BIỂU PHÍ CƠ BẢN

No.	TÊN HÀNG HÓA / COMMODITY	TỶ LỆ PHÍ BẢO HIỂM (%) (chưa bao gồm thuế VAT)/ RATE (%) (VAT excluded)
		Điều kiện VNCND (áp dụng chung cho các mặt hàng) <i>Transit Condition (applied to all goods)</i> <i>Inland</i>
1	Hàng Bách Hóa (Hàng mới không liệt vào loại dễ vỡ)/ General Merchandise (New & not specifically subject to breakage)	0.06
2	Các chế phẩm nông sản, lâm sản, hải sản, sản phẩm ăn được/ Preparations of agricultural, Marine Products, edible products	0.06
3	Dược phẩm /Pharmaceutical and medical Products	0.06
4	Hàng điện tử, các thiết bị điện tử, máy vi tính/ Electronics and Computers	0.06
5	Máy móc và phụ tùng thông thường /Machinery and Parts/	0.06
6	Vật liệu xây dựng và sản phẩm khai thác mỏ/ Minerals Products and Building Materials/	0.06
7	Chemicals and non-Hazardous Materials/ Hóa chất và các vật liệu không nguy hiểm khác	0.06
8	Hàng thủ công Mỹ nghệ/ Handicrafts	0.08
9	Hàng cá nhân và đồ dùng gia đình / Household Goods and Personal Effects	0.06
10	Nông sản, rau quả, các sản phẩm thực vật (loại trừ hấp hơi/ Agricultural products/)	0.07
12	Các sản phẩm đóng chai (dễ vỡ)/Bottled Beverage/	0.08
13	Đồ dễ vỡ/Fragile Goods	0.08
14	Tác phẩm nghệ thuật, đồ cổ/ Fine Arts/	Liên hệ



No.		TỶ LỆ PHÍ BẢO HIỂM (%) (chưa bao gồm thuế VAT)/ RATE (%) (VAT excluded)
15	Máy móc và thiết bị siêu trường siêu trọng /Machinery & Equipment (Over weight-over length-heavy cargo)	Liên hệ
16	Các sản phẩm từ động vật (hàng đông lạnh)/ Animal products/	Liên hệ
17	Hóa chất và các vật liệu nguy hiểm khác/Chemicals and Hazardous Materials/	Liên hệ
18	Động vật sống/ Live animals (loại trừ ốm chết, chết do bệnh tật)	Liên hệ
19	Hàng xếp trên boong, hàng cũ	Liên hệ

II. PHẦN II: PHỤ PHÍ HƯỚNG DẪN / CHỈ DẪN LIÊN QUAN

1.0 TỶ LỆ PHÍ CƠ BẢN (theo biểu Phần I)	- Là phí bảo hiểm chưa tính thuế VAT. - Phí xây dựng căn cứ theo nhóm hàng / mặt hàng		
2.0 PHỤ PHÍ	- Phụ phí tăng giảm theo packing/tuyển vận chuyên và phương tiện vận chuyển..	TỶ LỆ tăng/giảm	GHI CHÚ
2.1 Hàng container/ container packing	GIẢM phí cơ bản% áp dụng với hàng đóng container.	30%	30%(đã thể hiện trên bảng, phần 1) (tính trên cơ sở một trong hai mục sau : mục 1, hoặc mục 2.1) (tính trên cơ sở một trong hai mục sau : mục 1, hoặc mục 2.1) (Không áp dụng, nếu đã áp dụng mục 2.3)
2.2 Tuyển vận chuyên	TĂNG thêm% phí cơ bản, áp dụng cho tuyển vận chuyên có quãng đường hơn 500km.	5%	
2.3 Vận chuyển đa phương tiện	TĂNG thêm% phí cơ bản, áp dụng cho mỗi chặng/phương tiện phát sinh.	5%	
2.4 Phương tiện	TĂNG thêm phí cơ bản, áp dụng cho loại phương tiện vận chuyển sau:		
2.4.1 Tàu biển	TĂNG thêm% phí cơ bản.	5%	
2.4.2 Sà Lan	TĂNG thêm% phí cơ bản.	6-9%	6-9%
2.4.3 Khác (ghe...)	TĂNG thêm% phí cơ bản.	10-15%	10-15%
2.5 Phí chiến tranh-dinh công	Theo biểu phí cập nhật	Cập nhật	Cập nhật

